

# TỪ GHÉP

## I – CÁC LOẠI TỪ GHÉP

1. Trong các từ ghép *bà ngoại, thơm phức* ở những ví dụ sau, tiếng nào là tiếng chính, tiếng nào là tiếng phụ bổ sung ý nghĩa cho tiếng chính ? Em có nhận xét gì về trật tự của các tiếng trong những từ ấy ?

– Mẹ còn nhớ sự nôn nao, hồi hộp khi cùng **bà ngoại** đi tới gần ngôi trường và nổi chơi vui hốt hoảng khi cổng trường đóng lại [...].

(Lý Lan)

– Cốm không phải thức quà của người vợ; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ. Lúc bấy giờ ta mới thấy thu lại cả trong hương vị ấy, cái mùi **thơm phức** của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ [...].

(Thạch Lam)

2. Các tiếng trong hai từ ghép *quần áo*, *trầm bổng* ở những ví dụ sau (trích từ văn bản *Cổng trường mở ra*) có phân ra tiếng chính, tiếng phụ không ?

– Việc chuẩn bị *quần áo* mới, *giày nón* mới, *cặp sách* mới, *tập vở* mới, mọi thứ đâu đó đã sẵn sàng, khiến con cảm nhận được sự quan trọng của ngày khai trường.

– Mẹ không lo, nhưng vẫn không ngủ được. Cứ nhắm mắt lại là dường như vang bên tai tiếng đọc bài *trầm bổng* [...].

### **Ghi nhớ**

- Từ ghép có hai loại : từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập.
- Từ ghép chính phụ có tiếng chính và tiếng phụ bổ sung nghĩa cho tiếng chính. Tiếng chính đứng trước, tiếng phụ đứng sau.
- Từ ghép đẳng lập có các tiếng bình đẳng về mặt ngữ pháp (không phân ra tiếng chính, tiếng phụ).

## II – NGHĨA CỦA TỪ GHÉP

1. So sánh nghĩa của từ *bà ngoại* với nghĩa của *bà*, nghĩa của từ *thơm phức* với nghĩa của *thơm*, em thấy có gì khác nhau ?

2. So sánh nghĩa của từ *quần áo* với nghĩa của mỗi tiếng *quần*, *áo* ; nghĩa của từ *trầm bổng* với nghĩa của mỗi tiếng *trầm*, *bổng*, em thấy có gì khác nhau ?

### **Ghi nhớ**

- Từ ghép chính phụ có tính chất phân nghĩa. Nghĩa của từ ghép chính phụ hẹp hơn nghĩa của tiếng chính.
- Từ ghép đẳng lập có tính chất hợp nghĩa. Nghĩa của từ ghép đẳng lập khái quát hơn nghĩa của các tiếng tạo nên nó.

### III – LUYỆN TẬP

1. Xếp các từ ghép *suy nghĩ, lâu đời, xanh ngắt, nhà máy, nhà ăn, chài lưới, cây cỏ, ẩm ướt, đầu đuôi, cười nụ* theo bảng phân loại sau đây :

Từ ghép chính phụ	
Từ ghép đẳng lập	

2. Điền<sup>(a)</sup> thêm tiếng vào sau các tiếng dưới đây để tạo từ ghép chính phụ :

*bút ...*

*ăn ...*

*thước ...*

*trắng ...*

*mưa ...*

*vui ...*

*làm ...*

*nhát ...*

3. Điền thêm tiếng vào sau các tiếng dưới đây để tạo từ ghép đẳng lập :

*núi* <   
 ...  
 ...

*mặt* <   
 ...  
 ...

*ham* <   
 ...  
 ...

*học* <   
 ...  
 ...

*xinh* <   
 ...  
 ...

*tươi* <   
 ...  
 ...

4. Tại sao có thể nói *một cuốn sách, một cuốn vở* mà không thể nói *một cuốn sách vở* ?

5. a) Có phải mọi thứ hoa có màu hồng đều gọi là *hoa hồng* không ?

---

(a) Các dạng bài tập điền chữ cái, dấu thanh, tiếng, từ, cụm từ,... vào chỗ trống, ở trong *Ngữ văn 7*, học sinh chép lại và làm vào vở bài tập.

b) Em Nam nói : "*Cái áo dài của chị em ngắn quá !*". Nói như thế có đúng không ? Tại sao ?

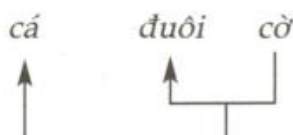
c) Có phải mọi loại cà chua đều chua không ? Nói : "*Quả cà chua này ngọt quá !*" có được không ? Tại sao ?

d) Có phải mọi loại cá màu vàng đều là cá vàng không ? Cá vàng là loại cá như thế nào ?

6. So sánh nghĩa của các từ ghép *mát tay, nóng lòng, gang thép* (Anh ấy là một chiến sĩ *gang thép*), *tay chân* (một *tay chân thân tín*) với nghĩa của những tiếng tạo nên chúng.

7.\* Thử phân tích cấu tạo của những từ ghép có ba tiếng *máy hơi nước, than tổ ong, bánh đa nem* theo mẫu sau :

Mẫu :



## ĐỌC THÊM

Có những tiếng trong từ ghép ngày nay không còn rõ nghĩa nhưng có thể tìm thấy nghĩa của chúng trong tiếng địa phương, trong một số ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam, trong các văn bản cổ.

Trong tiếng địa phương : *rú* trong *rừng rú* (trong tiếng Nghệ - Tĩnh, *rú* là "một loại rừng già") ; *qué* trong *gà qué* (trong tiếng Thanh Hoá, *qué* có nghĩa là "gà") ; *cộ* trong *xe cộ* (trong tiếng địa phương Nam Bộ, *cộ* chỉ "loại xe trượt không có bánh dùng để kéo gỗ ở rừng hoặc kéo lúa trên ruộng").

Trong một số ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam (có thể có sự khác biệt chút ít về mặt ngữ âm) :

- *Nang* trong *cau nang* (trong tiếng Mường, *nang* nghĩa là "cau") ;
- *Ỏi* trong *ít ỏi* (trong tiếng Mường, *ỏi* nghĩa là "ít") ;
- *Phai* trong *mương phai* (trong tiếng Tày Nùng, *phai* là "con đập chắn ngang dòng suối").

Trong các văn bản cổ :

– *Lệ* trong *e lệ* có nghĩa là "e", "sợ".

*Lệ* khi hoa *chẳng* chiều *ong*.

(Phan Trần)

– *Chác* trong *bán chác*, *đổi chác* có nghĩa là "mua", "đổi".

*Túi* đã không *tiền* khôn *chác* rượu.

(Nguyễn Trãi, Quốc âm thi tập)